

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quang Trí.

- Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** bà Lê Thị T, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: số 502/13, khóm K, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** ông Lê Văn R, sinh năm: 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: số 473/11, tổ 40, khóm K, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: bà và ông R quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân do tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND phường Mỹ Hòa, từ thời điểm chung sống với nhau thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông R thường xuyên đi nhậu, sử dụng ma túy đá, vợ chồng cự cãi dẫn đến đánh nhau nhiều lần, trong đó có 01 lần vào khoảng tháng 4/2021 ông R do sử dụng ma túy đá mất khả năng kiểm soát hành vi và sử dụng dao Thái Lan đâm vào chân bà, bà cũng đã trình báo chính quyền địa phương sự việc trên, bà và ông R sống ly thân đến khoảng 6/2022 thì vợ

chồng có hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống với nhau khoảng 03 tháng thì ông R tiếp tục sử dụng ma túy đá và mâu thuẫn về tiền bạc nên đến tháng 9/2022 bà về nhà mẹ ở và không còn chung sống với ông R cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông R.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 26/10/2018. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn R trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà T về việc tìm hiểu và thời điểm chung sống với nhau. Ông thừa nhận có sử dụng ma túy đá và có 01 lần gây thương tích cho bà T, tuy nhiên nhận thấy mâu thuẫn không quá nghiêm trọng, ông vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do còn yêu thương vợ con, đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho vợ chồng ông hàn gắn và ông sẽ thay đổi không tiếp tục sử dụng ma túy đá mà cố gắng lao động chăm lo cho gia đình.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 26/10/2018. Ông R không có ý kiến tranh chấp con chung, đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn R. Ông R có nơi cư trú tại phường H, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lê Văn R xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông R thường xuyên đi nhậu, sử dụng ma túy đá và gây thương tích cho bà T, mâu thuẫn kéo dài từ khi bắt đầu chung sống cho đến nay, bà T cũng đã hàn gắn tình cảm và tiếp tục chung sống với ông R nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Bà T xác định không còn tình cảm với ông R, hôn nhân không hạnh phúc nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông R, hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng

như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 26/10/2018. Xét thấy, từ khi bà T và ông R không còn chung sống với nhau thì cháu T sống với bà T cho đến nay, cháu đã ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, bà T hiện đang có công việc ổn định với mức thu nhập hằng tháng từ 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc nuôi dưỡng cháu T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà T không có yêu cầu nên ông R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T và ông R trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Văn R. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106, ngày 18/6/2018 do UBND phường H, thành phố X, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 26/10/2018. Ông Lê Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Lê Văn R không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông R thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Lê Thị T và ông Lê Văn R xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Lê Thị T và ông Lê Văn R vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001291 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Nguyên đơn bà Lê Thị T, bị đơn ông Lê Văn R được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên